

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10/9/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Hồng Hải
2. Ông Đặng Nguyễn Văn Tích

- Thư ký phiên tòa: Chị Trần Thị Hằng là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2021/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, Quyết hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021, Quyết hoãn phiên tòa số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 55, đường An Bình, Phường C, ĐL, tỉnh LD.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn M, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 55, đường An Bình, Phường C, ĐL, tỉnh LD.

(Chị Y có mặt, Anh M có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 3 năm 2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Y trình Bày:

- Về hôn nhân: Năm 2001 Chị Nguyễn Thị Y và Anh Lê Văn M tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/3/2002 và có tổ chức

lễ cưới. Sau khi kết hôn sống và làm việc tại huyện BL, DL, đến năm 2008 chuyển về sống tại Đà Lạt.

Trong quá trình chung sống đến năm 2010 hai vợ chồng không hợp nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân, nay chị Y có nguyện vọng được ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Y và anh Lê Văn M có 01 con chung là Lê Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 23/6/2002 hiện đang học ở Sài Gòn. Do con chung đã trưởng thành Chị Y không có yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có 01 căn nhà, đất tại 55 An Bình, phường C, Phường C, DL, tỉnh LD. Hai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra Chị Nguyễn Thị Y không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn Anh Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai của bị đơn.

Vụ án đã được Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hòa giải được vì lý do vắng mặt bị đơn, đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Đến ngày 27/5/2021, anh Lê Văn M có đơn xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử tại Tòa án liên quan đến vụ án ly hôn. Về Hôn nhân: anh M đồng ý ly hôn. Về con chung Lê Nguyễn Hoàng M hiện đã đủ 18 tuổi nên cháu muốn ở với ai thì tùy cháu.

Về nợ chung, tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Văn M, có nơi cư trú tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Lê Văn M là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Y và anh Lê Văn M tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 13/3/2002. Vì vậy hôn nhân được xác lập giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Lê Văn M là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống và làm việc tại huyện BL, LD, đến năm 2008 chuyển về sống tại Đà Lạt.

Trong quá trình chung sống đến năm 2010, hai vợ chồng không hợp nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân, nay chị Y có nguyện vọng được ly hôn;

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Y và anh Lê Văn M có 01 con chung là Lê Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 23/6/2002 hiện đang học ở Sài Gòn. Do con chung đã trưởng thành Chị Y không có yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Có 01 căn nhà, đất tại 55 An Bình, phường C, DL. Hai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

[3] Xét thấy hiện nay mâu thuẫn của vợ chồng chị Y và anh M đã trầm trọng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa, anh M cũng đồng ý ly hôn.

Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Lê Văn M là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Về lời tự khai của Anh Lê Văn M: Ngày 27/5/2021, anh Lê Văn M có đơn xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Hòa giải và xét xử tại Tòa án liên quan đến vụ án ly hôn.

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của Chị Y;

- Về con chung: Cháu Lê Nguyễn Hoàng M hiện đã đủ 18 tuổi nên cháu muốn ở với ai thì tùy cháu.

- Về nợ chung, tài sản chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chị Nguyễn Thị Y khởi kiện ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Y về việc “tranh chấp về ly hôn” cụ thể:

1. *Về hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y với anh Lê Văn M;

2. *Về con chung*: Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/ 2017/0003666 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Chị Y đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 10/9/2021); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án

hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Hùng